TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2018.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**.
2. Ông **Trần Xươne.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hạnh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Thanh Dũng**– Kiểm sát viên

Trong các ngày 19/12/2017 và ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2017/TLST- HNGĐ ngày 25/8/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 05/12/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 138/2017/QĐST-DS ngày 19/12/2017 và thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 01/TB-TA ngày 03/01/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, địa chỉ: ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, địa chỉ: ấp S, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2004 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2004. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cải vả qua lại, sống với nhau không có hạnh phúc, ông về sống chung với cha mẹ vợ nhưng cha mẹ vợ và vợ ông không tôn trọng ông, nên ông về bên cha mẹ ruột ông sống từ tháng 03/2017 đến nay và kể từ tháng 10/2016 đến nay ông bà không có sống chung như vợ chồng cho đến nay. Sau khi ly thân ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả, gia đình hai bên không có gặp nhau bàn bạc. Nay ông H xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Phước A, sinh ngày 01/9/2005, hiện nay sống với bà T và hiện đang đi học, nếu ly hôn nguyện vọng cháu A muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với bà T thì ông không cấp dưỡng nuôi cháu A.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2017, biên bản hòa giải các ngày 18/9/2017, ngày 03/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà T thống nhất với trình bày của ông H như về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn; con chung; tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có rượu chè, ông H nghe lời mẹ ruột của ông về tiền bạc, ngày 23/03/2017 ông H về nhà mẹ ruột của ông sống và kể từ đó ông bà không còn chung sống như vợ chồng cho đến nay. Sau khi ly thân gia đình hai bên không gặp nhau bàn bạc, ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả.

Theo yêu cầu của ông H, bà T không đồng ý ly hôn với ông H, vì bà T còn thương yêu chồng con. Nếu ly hôn thì nguyện vọng cháu A muốn sống với ai thì người đó nuôi, sống với bà T thì bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu A.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2017, cháu A khai: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng cho cháu A, vì bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được Tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thanh T tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2004, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do ông H về sống chung gia đình bên vợ, nhưng làm ăn chung thì vợ chồng phụ thuộc kinh tế bên cha mẹ vợ, ông H có khi mặc cảm bên vợ, nên vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại với nhau, ông H nghe lời mẹ ruột về việc ông H sống bên vợ không có tài sản chung của vợ chồng, vợ chồng đối xử với

nhau không tế nhị và không còn quan hệ như vợ chồng từ tháng 10/2016 đến nay và ông H về bên cha mẹ ruột ông sống từ tháng 03/2017 đến nay, cũng như sau khi Tòa án thụ lý có mời hai bên đến hòa giải và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa ngày 19/12/2017, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để hai ông bà tự hòa giải với nhau, nhưng cả hai người cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Tại tòa hôm nay, ông H kiên quyết ly hôn với bà T; phía bà T không đồng ý ly hôn với ông H vì còn thương chồng con và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thanh T thừa nhận ông bà sống chung có 01người con chung là cháu Lê Nguyễn Phước A, sinh ngày 01/9/2005, hiện nay sống với bà T và hiện đang đi học. Tại tòa, ông H và bà T đồng ý cháu A nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. **Xét thấy**, Tại biên bản lấy lời khai cháu A ngày 11/9/2017 thì nguyện vọng cháu A muốn sống với mẹ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự tự nguyện trên của cháu A.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu A.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về Tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng và ông H không phải cấp dưỡng cho cháu A, vì bà T không yêu cầu là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Phước A, sinh ngày 01/9/2005 cho bà Nguyễn Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà T không yêu cầu.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông H, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007642, ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (PGĐKT),
- VKSND huyện Kế Sách,
- Chi cục THADS huyện K,
- Các bên đương sự,
- UBND xã T,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng